

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HS-ST

Ngày: 06 - 03 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi và Ông Thạch Nhị

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Bảo Th (tên gọi khác: Th Liễu), sinh năm 1982 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú tổ 6B, khu phố X, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Thanh L, sinh năm 1952 và bà Trương Thị X, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2001; tiền án: 01- Ngày 10/3/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là Thành phố Đ) xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tại Bản án số 22/2017/HSST ngày 10/3/2017); tiền sự không.

Về nhân thân:

Ngày 02/7/2004, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ (nay là Thành phố Đ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 2054/QĐ-UB với thời gian 24 tháng;

Ngày 23/8/2016, bị Công an phường B, thị xã Đ (nay là Thành phố Đ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26/QĐ-XPVPHC với số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2018 cho đến nay “có mặt”.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại Bình Dương; nơi cư trú ấp TH 01, xã TL, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn

L, sinh năm 1964 và bà Châu Thị Lệ L, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Trần Thúy Ngọc D, sinh năm 1992 và có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: 01 - Ngày 02/03/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là Thành phố Đ) xử phạt 09 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (tại Bản án số 18/2017/HSST ngày 02/3/2017), tiền sự: không.

Về nhân thân:

Ngày 20/11/2009, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3286/QĐ-XPHC với số tiền 350.000 đồng về hành vi “Tiêm chích trái phép chất ma túy”;

Ngày 29/9/2010, bị Công an huyện P, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55/QĐ-XPHC với số tiền 750.000 đồng về hành vi “Tiêm chích trái phép chất ma túy”;

Ngày 21/03/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc số 595/QĐ-UBND với thời gian 18 tháng;

Ngày 02/11/2015, bị Công an phường Ph, thị xã Đ (nay là Thành phố Đ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 124/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 cho đến nay “có mặt”.

3. Huỳnh Anh Kh (tên gọi khác: Nhí), sinh năm 1985 tại Bà Rịa-Vũng Tàu; nơi cư trú ấp Ch, xã Ph, huyện Th, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1961 và bà Đinh Thị Kim L, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Mỹ Ph, sinh năm 1991; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: 01- Ngày 14/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xử phạt 08 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (tại Bản án số 67/2017/HSST ngày 14/8/2017); tiền sự: không.

Về nhân thân:

Ngày 28/10/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Tại Bản án số 05/2005/HSPT ngày 28/10/2005).

Ngày 05/5/2011, bị Ủy ban nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra Quyết định xử phạt hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 1262/QĐ-UBND với thời gian 24 tháng.

Ngày 29/12/2016, bị Công an phường Tân Xuân, thị xã Đ (nay là Thành phố Đ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 29/QĐ-XPVPHC với số tiền 750.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2018 cho đến nay “có mặt”

Người bị hại:

Anh Hồ Bá S, sinh năm 1983; cư trú tại địa chỉ khu phố P, phường Ph, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Anh Nguyễn Bảo Th, sinh năm 1987; cư trú tại địa chỉ tổ 11, khu phố A, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đinh Thị Kim L, sinh năm 1958; cư trú tại địa chỉ ấp Ch, xã Ph, huyện Th, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu “vắng mặt”.

Anh Trần Văn B, sinh năm 1991; cư trú tại địa chỉ tổ 06, ấp TH 01, xã TL, huyện P, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 10/10/2018 Nguyễn Văn T mượn xe mô tô biển số 93K1 - 2095 của anh Trần Văn B để đi công việc. Sau đó T điều khiển xe đến nhà ông Tiến (không rõ nhân thân, lai lịch) ở xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước để chơi, tại đây T gặp Trần Bảo Th. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T rủ Th cùng đi trộm cắp tài sản thì Th đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 93K1 – 2095 chở Th đi trên các con đường ở trong thị xã Đ (nay là thành phố Đ). Khi đi đến khu vực công trình xây dựng nhà anh Hồ Bá S, tại khu phố P, phường Ph, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì thấy có nhiều trụ sắt đang để ở trên nền đất không có người trông coi nên T và Th dừng lại. Lúc này T đứng ngoài cảnh giới còn Th đi vào trong lấy trộm 01 trụ sắt (kích thước (390 x 15 x 15)cm được ráp từ 04 cây sắt $\phi 16$ và 24 đai sắt vuông $\phi 6$ KT(15x15)cm, còn mới 100% có tổng trọng lượng 27kg) đưa lên xe để T chở đi tìm chỗ bán thì bị anh S phát hiện chặn xe của T lại, lúc này có anh Bùi Thanh V đến hỗ trợ anh S giữ T cùng tang vật và báo cho Công an phường B đến kiểm tra hành chính và đưa về trụ sở để làm việc còn Th đã bỏ chạy trốn.

Tại Kết luận định giá tài sản số 130/KLĐG ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 trụ sắt (kích thước (390 x 15 x 15)cm được ráp từ 04 cây sắt $\phi 16$ và 24 đai sắt vuông $\phi 6$ KT(15x15)cm có tổng giá trị là 462.650 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/10/2018, Trần Bảo Th đến chỗ làm thuê của Huỳnh Anh Kh tại chợ Đ để chơi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì Kh điều khiển xe chở Th đến đường Phú Riềng Đỏ theo hướng Đ đi P. Khi đi ngang tiệm máy bắn cá “10K” thuộc khu phố Tr 1, phường B, thành phố Đ thì Th và Kh thấy có xe mô tô biển số 61FE-7412 của anh Nguyễn Bảo Th đang dừng trên vỉa hè có chở theo 02 cây sắt và 01 khung sắt, không có người trông coi nên Th rủ Kh lấy trộm xe và sắt trên xe mang đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì Kh đồng ý. Sau đó Kh đi bộ vào dắt xe mô tô biển số 61FE-7412 chạy ra đường Phú Riềng Đỏ thì bị anh Nguyễn Văn Phi Ph, Hoàng Phi H phát hiện đuổi theo. Khi Th và Kh chạy đến tiệm ve chai “Không tên” thuộc khu phố 01, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước do bà Hoàng

Thị S làm chủ thì bị anh Ph và anh H bắt giữ giao cho Công an phường Đ, thành phố Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận định giá tài sản số 131/KLĐG ngày 18/10/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda cup biển số 61FE-7412 màu đen, đã qua sử dụng; 02 cây sắt và khung sắt có tổng trọng lượng 23,9kg, đã qua sử dụng có tổng giá trị là 1.643.400 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 93K1-2095; 01 xe mô tô biển số 61FE-7412; 01 xe mô tô biển số 72N1-1853; 01 trụ sắt, kích thước (390 x 15 x 15) được ráp từ 04 cây sắt phi 16 và 24 đai sắt vuông phi 6 KT (15 X 15)cm có trọng lượng 27 kg; 02 cây sắt, trọng lượng 15,9kg và khung sắt trọng lượng 08 kg.

Ngày 12/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại 01 trụ sắt kích thước (390 x 15 x 15) cm được ráp từ 04 cây sắt phi 16 và 24 đai sắt vuông phi 6 kích thước (15 x 15) cm) có trọng lượng 27 kg cho anh Hồ Bá S; trả lại 02 cây sắt có trọng lượng 15,9kg và 01 khung sắt trọng lượng 08 kg cho anh Nguyễn Bảo Th.

Ngày 03 và 05/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 93K1-2095 cho anh Trần Văn B; trả lại xe mô tô biển số 72N1-1853 cho bà Đinh Thị Kim L là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-ĐX ngày 16/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố các bị cáo Trần Bảo Th, Nguyễn Văn T và Huỳnh Anh Kh về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Bảo Th mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Anh Kh mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Do người bị hại anh Hồ Bá S, anh Nguyễn Bảo Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn B và bà Đinh Thị Kim L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đối với số vật chứng thu giữ đã trả lại cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc xe mô tô biển số 61FE-7412 do không có sổ khung, sổ máy nên cần tiếp tục để Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ xác minh xử lý.

Các bị cáo Th, T và Kh tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 23/CT-VKS-ĐX ngày 16/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản định giá tài sản; kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 11 giờ ngày 10/10/2018 Nguyễn Văn T đã rủ Trần Bảo Th đi trộm cắp tài sản thì được Th đồng ý, sau khi điều khiển xe đến khu vực xây dựng nhà của anh Hồ Bá S tại khu phố Phú Tân, phường Ph, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, T đã đứng ngoài cảnh giới để Th đi vào bên trong lấy trộm 01 trụ sắt (kích thước (390 x 15 x 15)cm được ráp từ 04 cây sắt $\phi 16$ và 24 đai sắt vuông $\phi 6$ KT(15x15)cm, có tổng trọng lượng 27kg đưa lên xe để T chở đi tìm chỗ bán, khi đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị anh S phát hiện bắt giữ T. Đối với Trần Bảo Th sau khi bỏ trốn đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/10/2018 Th tiếp tục rủ rê Huỳnh Anh Kh lấy trộm xe mô tô biển số 61FE-7412; 02 cây sắt cây và 01 khung sắt của anh Nguyễn Bảo Th thì cả 02 bị bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 130/KLĐG ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự kết luận: 01 trụ sắt (kích thước (390 x 15 x 15)cm được ráp từ 04 cây sắt $\phi 16$ và 24 đai sắt vuông $\phi 6$ KT(15x15)cm có giá trị là 462.650 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 131/KLĐG ngày 18/10/2018 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda cúp biển số 61FE-7412; 02 cây sắt cây và 01 khung sắt có giá trị 1.643.400 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Mặc dù giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt chưa đủ yếu tố định lượng, tuy nhiên do các bị cáo T, Th và Kh đã có 01 tiền án, chưa được xóa án tích do đó lần phạm tội này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của những người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lấy trộm tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Tuy tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn nhưng các bị cáo đều có nhân thân xấu, bản thân các bị cáo đều nghiện ma túy nên cần thiết phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Th: Khi được bị cáo T rủ đi lấy trộm tài sản bị cáo đã đồng ý thực hiện, bị cáo là người thực hành tích cực trong việc lấy trộm tài sản của anh Hồ Bá S, sau khi bị cáo T bị bắt giữ bị cáo lại tiếp tục rủ rê bị cáo Kh thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn bị cáo T và bị cáo Kh mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo T: Là người nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, ngoài việc rủ rê bị cáo Th tham gia lấy trộm tài sản thì bị cáo còn là người giúp sức trong việc lấy trộm tài sản, do đó cũng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Kh: Khi được bị cáo Th rủ lấy trộm tài sản bị cáo đã đồng ý thực hiện, bị cáo là người thực hành trong việc lấy trộm tài sản của anh Nguyễn Bảo Th, do đó cũng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, khi bắt quả tang đã được thu giữ trả cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần được xem xét trong việc lượng hình đối với các bị cáo.

[7] Đối với anh Trần Văn B là chủ sở hữu xe mô tô biển số 93K1- 2095, khi cho bị cáo T mượn xe, anh B không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với chị Đinh Thị Kim L là chủ sở hữu xe mô tô biển số 72N1- 1853 chị L không biết bị cáo Kh sử dụng vào mục đích phạm tội nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 61FE-7412 do không có số khung, số máy nên tiếp tục giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ xác minh, xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Hồ Bá S, anh Nguyễn Bảo Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn B, bà Đinh Thị Kim L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng vụ án: Đối với số vật chứng thu giữ đã trả lại cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Trần Bảo Th, Nguyễn Văn T và Huỳnh Anh Kh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Bảo Th 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2018.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Anh Kh 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2018.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/10/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/10/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo T, bị cáo Th, bị cáo Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 (PV 27 cũ) Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn An

